TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2024/QĐST - HNGĐ	*Đ L, ngày 19 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 81, đường V, Phường L, thành phố Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Lê Văn H.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Lê Văn H thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 28/5/2021; ly hôn chị L và anh H thống nhất giao con chung Lê Hoàng P cho chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục

đến khi con thành niên. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2024 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực H theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L thỏa thuận chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000381 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND thành phố Đ;
- Thi hành án dân sự TP. Đ;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Lan